

Bản án số: 240/2019/DS-ST

Ngày: 26/6/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Minh Tuấn

2/ Bà Hoàng Thị Kim Yến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Lê Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên Tòa:* Bà Phan Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-DS ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Thu T, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường N, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường B, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 và bản tự khai ngày 11/4/2018 của bà Tạ Thị Thu T - nguyên đơn bày:

Bà và ông N quen biết do ở cùng xóm từ nhỏ nên bà có cho ông Nguyễn N mượn số tiền 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng qua nhiều lần, thể hiện ở các giấy mượn tiền sau:

- Ngày 07/5/2017, ông N mượn bà T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, hẹn ngày 07/5/2018 sẽ trả.

- Ngày 08/6/2017, ông N mượn bà T số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng hẹn ngày 08/8/2017 sẽ trả.

- Ngày 12/9/2017, ông N mượn số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, hẹn trong vòng 1 tuần sẽ trả.

- Ngày 13/9/2017, ông N mượn số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng

- Ngày 10/10/2017, ông N mượn số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. hẹn 15 ngày trả.

- Ngày 27/11/2017, ông N mượn số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng hẹn ngày 12/12/2017 sẽ trả

- Ngày 30/11/2017, ông N mượn số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng

- Ngày 09/12/2017, ông N mượn số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Đây là số tiền cá nhân của bà T. Ông N cố tình lẩn tránh, không trả nợ. Bà khởi kiện, buộc ông N thanh toán số tiền 87.000.0000 (tám mươi bảy triệu) đồng. Ngày 28/02/2018 bà T đã gửi văn bản yêu cầu đòi nợ ông N qua bưu điện.

Bị đơn - Ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, cụ thể: biên bản ngày 08/8/2018 tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập lập bản tự khai; biên bản ngày 04/10/2018 và ngày 4/3/2018 triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tổng đạt ngày 10/4/2019 về triệu tập tham gia phiên hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà T có mặt, ông N vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, bà yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà toàn bộ số tiền 87.000.0000 đồng trong vòng 03 tháng kể từ ngày xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tổng đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán đã thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã đưa vụ án ra xét xử trễ 42 ngày so với quy định pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Bà T cho ông N mượn qua nhiều lần, ông N không có khả năng trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương. Bà T yêu cầu ông N trả tiền gốc tổng cộng là 87.000.000 đồng, không trả tiền lãi. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và

trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Tạ Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Đây là tranh chấp về dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn là ông Nguyễn N cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Kết quả xác minh của Công an Phường C, quận T theo Phiếu xác minh số 167/PYCXM ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình ông thì ông Nguyễn N, sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện thực tế cư ngụ tại địa phương.

Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ nêu trên, Ủy ban nhân dân Phường C, quận T và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Bị đơn có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh để bảo vệ lợi ích của mình. Nhưng bị đơn không đến Tòa án nên đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn N thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng.

Xét các giấy mượn tiền của ông Nguyễn N từ ngày 07/5/2017 đến ngày 09/12/2017 với nội dung ông N xác nhận có vay bà T tổng cộng là 87.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết, bà T có xuất trình bản chính các giấy nợ để Tòa án đối chiếu bản chính. Các giấy hẹn đều có thời hạn trả nợ và đến nay đều quá hạn thanh toán.

Bị đơn có đăng ký thường trú tại địa chỉ đường B, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông N nhưng ông N không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì hợp đồng vay tài sản nêu trên có cơ sở chấp nhận. Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 thì ông N phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 87.000.000 đồng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông N trả tiền lãi.

Về thời hạn trả nợ, bà T yêu cầu ông N phải trả nợ trong vòng 03 tháng kể từ ngày tuyên án. Xét thấy, yêu cầu nêu trên là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019 thì “Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án” như sau: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Tạ Thị Thu T không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho bà T số tiền 2.175.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007939 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.350.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Thu T:

- Buộc ông Nguyễn N có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền vay tổng cộng là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng).
- Ghi nhận sự tự nguyện của bà T đồng ý cho ông N trả số tiền nêu trên trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.350.000 đồng.

- Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà T số tiền 2.175.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007939 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP (Yến/14).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thụy Hồng Châu